

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Viên nén bao phim
XONATRIX

Viên nén bao phim
XONATRIX-120

Viên nén bao phim
XONATRIX FORTE

Đề xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc
Tờ thông tin sản phẩm này bao gồm hướng dẫn sử dụng cho thuốc có nhiều hàm lượng khác nhau

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH

1. Thành phần

Mỗi viên nén bao phim **XONATRIX** chứa:

Fexofenadin HCl 60 mg.

Tá dược: *Lactose monohydrat, cellulose vi tinh thể, povidon, talc, silicon dioxyd, magnesi stearat, croscarmellose natri, HPMC E6, titan dioxyd, PEG 4000, polysorbat 80, dầu thầu dầu, màu tartrazin yellow, màu erythrosin.*

Mỗi viên nén bao phim **XONATRIX-120** chứa:

Fexofenadin HCl 120 mg.


Tá dược: *Lactose monohydrat, cellulose vi tinh thể M101, povidon, talc, silicon dioxyd, natri lauryl sulfat, magnesi stearat, croscarmellose natri, HPMC E6, titan dioxyd, polyethylen glycol 4000, polysorbat 80, dầu thầu dầu, màu erythrosin lake, màu tartrazin.*


Mỗi viên nén bao phim **XONATRIX FORTE** chứa:


Fexofenadin HCl 180 mg.

Tá dược: *Lactose monohydrat, cellulose vi tinh thể, povidon, talc, silicon dioxyd, magnesi stearat, croscarmellose natri, natri lauryl sulfat, hydroxypropylmethylcellulose, titan dioxyd, polyethylen glycol 6000, oxyd sắt nâu.*

2. Mô tả sản phẩm

XONATRIX: Viên nén dài, bao phim màu hồng nhạt, một mặt có dập logo , mặt kia có dập gạch ngang.

XONATRIX-120: Viên nén dài, bao phim màu hồng nhạt, một mặt có dập logo , mặt kia có dập gạch ngang.

XONATRIX FORTE: Viên nén dài, bao phim màu nâu nhạt, một mặt có dập logo , mặt kia có dập gạch ngang.

3. Quy cách đóng gói

XONATRIX : Hộp 3 vỉ (Nhôm - Nhôm) x 10 viên.

: Hộp 10 vỉ (PVC - Nhôm) x 10 viên.

XONATRIX-120 : Hộp 3 vỉ (Nhôm - Nhôm) x 10 viên.

: Hộp 10 vỉ (PVC - Nhôm) x 10 viên.

XONATRIX FORTE : Hộp 3 vỉ (Nhôm - Nhôm) x 10 viên.

: Hộp 10 vỉ (PVC - Nhôm) x 10 viên.

4. Thuốc dùng cho bệnh gì?

XONATRIX/ XONATRIX-120/ XONATRIX FORTE chứa hoạt chất là fexofenadin, một thuốc kháng histamin. Thuốc được sử dụng ở người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên để điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng theo mùa như sổ mũi, ngứa mũi, chảy nước mũi hoặc nghẹt mũi và ngứa mắt, đỏ mắt và chảy nước mắt, và mày đay mạn tính vô căn

5. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng?

Luôn dùng thuốc chính xác như hướng dẫn của bác sỹ hoặc dược sỹ. Nếu bạn chưa rõ, hãy hỏi lại cho chắc chắn.

Liều dùng:

Viêm mũi dị ứng:

Liều thông thường để điều trị triệu chứng cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi là 60 mg x 2 lần/ ngày hoặc 180 mg, uống 1 lần/ ngày.

Mày đay mạn tính vô căn:

Liều thông thường để điều trị triệu chứng cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi là 60 mg x 2 lần/ ngày hoặc 180 mg, uống 1 lần/ ngày.

Người cao tuổi và suy thận:

Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người cao tuổi: Bắt đầu dùng từ liều 60 mg uống 1 lần/ ngày, điều chỉnh liều theo chức năng thận.

Trẻ em dưới 12 tuổi: Dạng bào chế chứa hàm lượng không phù hợp với liều chỉ định.

Cách dùng:

Thuốc được dùng bằng đường uống. Không nên dùng thuốc với nước hoa quả. Bạn có thể dùng thuốc cùng hoặc không cùng với bữa ăn nhưng không được uống quá gần (trong 15 phút) với các thuốc kháng acid chứa magnesi và nhôm.

6. Khi nào không nên dùng thuốc này?

Không nên dùng thuốc này nếu bạn mẫn cảm với fexofenadin, terfenadin hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

7. Tác dụng không mong muốn

Như các thuốc khác, fexofenadin có thể gây tác dụng không mong muốn, nhưng không phải ai cũng gặp phải.

Ngưng dùng thuốc và liên hệ trung tâm y tế gần nhất nếu bạn gặp các phản ứng sau:

Sung ở mặt, môi, lưỡi hoặc cổ họng và khó thở, vì đây có thể là dấu hiệu của phản ứng dị ứng nghiêm trọng.

Các tác dụng không mong muốn khác:

Thường gặp (gặp ở 1 đến 10 trên 100 người sử dụng)

Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mất ngủ, chóng mặt.

Buồn nôn, khó tiêu.

Dễ bị nhiễm virus (cảm, cúm), đau bụng trong kỳ kinh nguyệt, dễ bị nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.

Ít gặp (gặp ở 1 đến 10 trên 1.000 người sử dụng)

Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng.

Khô miệng, đau bụng.

Hiếm gặp (gặp ở 1 đến 10 trên 10.000 người sử dụng)

Ban, mày đay, ngứa.

Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.

Thuốc có thể có tác dụng không mong muốn khác, thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

8. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

Thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ của bạn về tất cả các loại thuốc mà bạn đang sử dụng, bao gồm cả các thuốc kê đơn hoặc không kê đơn, các vitamin hoặc thuốc từ dược liệu.

Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn đang sử dụng các thuốc sau:

Thuốc điều trị khó tiêu chứa nhôm và magesi có thể ảnh hưởng đến tác dụng của fexofenadin do làm giảm hấp thu của thuốc.

Erythromycin, ketoconazol, verapamil, các chất ức chế p-glycoprotein.

Các chất an thần hệ thần kinh trung ương, các chất kháng cholinergic.

Chất ức chế acetylcholinesterase (ở thần kinh trung ương), betahistin.

Amphetamin, rifampin.

Sử dụng thuốc cùng với thức ăn và đồ uống

Bạn có thể dùng thuốc cùng hoặc không cùng với thức ăn. Không nên uống rượu hoặc nước hoa quả khi dùng thuốc.

9. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?

Không dùng gấp đôi liều để bù lại cho liều đã quên. Dùng liều tiếp theo như bình thường.

10. Nếu bạn muốn ngừng thuốc

Thông báo cho bác sĩ nếu bạn muốn ngừng thuốc trước khi kết thúc liệu trình. Nếu bạn ngừng dùng thuốc sớm hơn dự định, triệu chứng của bạn có thể xuất hiện lại.

Nếu bạn có câu hỏi gì thêm, hãy hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào?

Giữ thuốc trong bao bì gốc của nhà sản xuất, đậy kín.

Đề thuốc nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C, và ngoài tầm với của trẻ em.

Không sử dụng thuốc sau ngày hết hạn ghi trên bao bì (hộp và vỉ thuốc).

12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều

Dùng thuốc chính xác như hướng dẫn của bác sĩ. Nếu bạn dùng quá liều hoặc trẻ em nuốt phải thuốc, liên hệ ngay với bác sĩ và trung tâm y tế gần nhất. Khi dùng quá liều bạn có thể cảm thấy chóng mặt, buồn ngủ, mệt mỏi và khô miệng.

13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?

Ngưng dùng thuốc và liên lạc ngay với bác sĩ hoặc trung tâm y tế gần nhất.

Mang theo viên thuốc cùng với bao bì để bác sĩ biết bạn đã uống thuốc gì và có biện pháp xử lý kịp thời.

14. Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này

Trước khi dùng thuốc này, thông báo cho bác sĩ nếu bạn đang có các vấn đề về sức khỏe sau đây:

Bệnh có vấn đề về gan hoặc vấn đề về thận.

Bạn đã từng bị bệnh tim, vì thuốc thuộc nhóm này có thể làm nhanh nhịp tim hoặc bất thường nhịp tim.

Bạn là người cao tuổi.

Thuốc có chứa lactose, thông báo cho bác sĩ nếu bạn đã từng được cho biết không dung nạp với bất cứ loại đường nào.

XONATRIX/ XONATRIX-120 có chứa polysorbat 80, tá dược màu erythrosin, tartrazin có thể gây dị ứng và dầu thầu dầu có thể gây buồn nôn, nôn, đau bụng tiêu chảy.

Dùng thuốc cho trẻ em

Dạng bào chế không phù hợp để sử dụng ở trẻ em dưới 12 tuổi.

Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú

Nếu bạn đang mang thai hoặc cho con bú, nghĩ bạn có thể có thai hoặc có ý định mang thai, hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng thuốc này.

Không dùng fexofenadin nếu bạn đang mang thai trừ khi thật sự cần thiết.

Không khuyến cáo sử dụng fexofenadin trong khi cho con bú.

Lái xe và vận hành máy móc

Fexofenadin thường không ảnh hưởng đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc của bạn. Tuy nhiên, bạn nên kiểm tra thuốc có làm cho bạn buồn ngủ hoặc chóng mặt hay không trước khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

15. Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ?

Cần liên lạc ngay với bác sỹ hoặc trung tâm y tế gần nhất khi dùng thuốc quá liều chỉ định.

Thông thường, bao giờ cũng phải hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ trước lúc dùng bất kỳ thuốc nào khi mang thai hoặc cho con bú.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

16. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

PHẦN 2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

1. DƯỢC LỰC HỌC

Mã ATC: R06AX26.

Nhóm dược lý: Thuốc kháng histamin thế hệ 2, đối kháng thụ thể H₁.

Fexofenadin là một thuốc kháng histamin thế hệ thứ hai, có tác động đối kháng đặc hiệu và chọn lọc trên thụ thể H₁ ngoại biên. Thuốc là một chất chuyển hóa có hoạt tính của terfenadin, cũng cạnh tranh mạnh với histamin tại các thụ thể H₁ ở đường tiêu hóa, mạch máu và đường hô hấp, nhưng không còn độc tính đối với tim do không ức chế kênh kali liên quan đến sự tái cực tế bào cơ tim. Fexofenadin không có tác dụng đáng kể đối kháng acetylcholin, đối kháng dopamin và không có tác dụng ức chế thụ thể alpha₁ hoặc beta-adrenergic. Ở liều điều trị, thuốc không gây ngủ hay ảnh hưởng đến thần kinh trung ương. Thuốc có tác dụng nhanh và kéo dài do thuốc gắn chặt vào thụ thể H₁, tạo thành phức hợp bền vững và tách ra chậm.

2. DƯỢC ĐỘNG HỌC

Hấp thu:

Thuốc hấp thu tốt khi dùng đường uống và bắt đầu phát huy tác dụng sau khi uống 60 phút. Nồng độ đỉnh trong máu đạt được sau 2 - 3 giờ. Thức ăn giàu chất béo làm giảm nồng độ đỉnh của thuốc trong huyết tương khoảng 17% và kéo dài thời gian đạt nồng độ đỉnh của thuốc (đến khoảng 4 giờ). Tác dụng kháng histamin kéo dài hơn 12 giờ.

Phân bố:

Tỉ lệ liên kết với protein huyết tương của thuốc là 60 - 70%. Chủ yếu với albumin và alpha₁-acid glycoprotein. Không rõ thuốc qua nhau thai hoặc bài tiết vào sữa mẹ hay không, nhưng khi dùng terfenadin đã phát hiện được fexofenadin là chất chuyển hóa của terfenadin trong sữa mẹ. Fexofenadin không qua hàng rào máu - não.

Chuyển hóa

Fexofenadin rất ít bị chuyển hóa (khoảng 5%, chủ yếu ở niêm mạc ruột. Chỉ có khoảng 0,5 - 1,5% được chuyển hóa ở gan nhờ hệ enzym cytochrom P₄₅₀ thành chất không có hoạt tính). Khoảng 3,5% liều fexofenadin chuyển hóa qua pha II (không liên quan đến hệ enzym cytochrom P₄₅₀) thành dẫn chất methyl este. Chất chuyển hóa này chỉ thấy ở trong phân nên có thể có sự tham gia của các vi khuẩn đường ruột vào chuyển hóa này.

Thải trừ:

Thời gian bán thải của fexofenadin khoảng 14,4 giờ, kéo dài hơn (31 - 72%) ở người suy thận. Thuốc thải trừ chủ yếu qua phân (xấp xỉ 80%) và nước tiểu (11 - 12%) dưới dạng không đổi.

Đối tượng đặc biệt

Bệnh nhân suy thận

Cl_{cr} 41 - 80 ml/ phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 87%, nửa đời thải trừ dài hơn 59%.

Cl_{cr} 11 - 40 ml/ phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 111%, nửa đời thải trừ dài hơn 72%.

Cl_{cr} < 10 ml/ phút (ở người đang thực hiện thẩm phân): Nồng độ đỉnh cao hơn 82% và nửa đời thải trừ dài hơn 31% so với người khỏe mạnh.

Loại bỏ bằng thẩm phân máu không hiệu quả.

3. CHỈ ĐỊNH

Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 12 tuổi.

4. LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG

Liều dùng

Viêm mũi dị ứng:

Liều thông thường để điều trị triệu chứng cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi là 60 mg x 2 lần/ ngày hoặc 180 mg, uống 1 lần/ ngày.

Mày đay mạn tính vô căn:

Liều thông thường để điều trị triệu chứng cho người lớn và trẻ em trên 12 tuổi là 60 mg x 2 lần/ ngày hoặc 180 mg, uống 1 lần/ ngày.

Người cao tuổi và suy thận:

Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người cao tuổi: Bắt đầu dùng từ liều 60 mg uống 1 lần/ ngày, điều chỉnh liều theo chức năng thận.

Bệnh nhân suy gan: Không cần chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan.

Trẻ em dưới 12 tuổi: Dạng bào chế có hàm lượng không phù hợp với liều chỉ định.

Cách dùng:

Dùng đường uống. Không dùng với nước hoa quả. Không cần chú ý đến bữa ăn nhưng không được uống quá gần (trong 15 phút) với các thuốc kháng acid chứa maggesi và nhôm.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Mẫn cảm với fexofenadin, terfenadin hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6. CÁC TRƯỜNG HỢP THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Cần thận trọng và điều chỉnh liều thích hợp khi dùng thuốc cho người có chức năng thận suy giảm vì nồng độ thuốc trong huyết tương tăng do nửa đời thải trừ kéo dài. Cần thận trọng khi dùng thuốc cho người cao tuổi (trên 65 tuổi) thường có suy giảm sinh lý chức năng thận.

Độ an toàn và tính hiệu quả của thuốc ở trẻ em dưới 6 tháng tuổi chưa xác định được.

Cần ngừng fexofenadin ít nhất 24 - 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm kháng nguyên tiêm trong da.

Dùng fexofenadin làm bệnh vẩy nến nặng lên.

Bệnh nhân có tiền sử bệnh tim mạch tiến triển nên được cảnh báo thuốc thuộc nhóm kháng histamin có thể gây tác dụng không mong muốn tim đập nhanh hoặc đánh trống ngực.

Thận trọng khi dùng thuốc cho bệnh nhân suy gan do thông tin còn hạn chế.

Thuốc có chứa lactose, bệnh nhân mắc bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose, thiếu hụt Lapp lactase hoặc rối loạn hấp thu glucose - galactose không nên dùng thuốc này.

XONATRIX/ XONATRIX-120 có chứa polysorbat 80, tá dược màu erythrosin, tartrazin có thể gây dị ứng và dầu thầu dầu có thể gây buồn nôn, nôn, đau bụng tiêu chảy.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Phụ nữ có thai

Do chưa có nghiên cứu đầy đủ trên người mang thai, nên chỉ dùng fexofenadin cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cho mẹ vượt trội nguy cơ đối với thai nhi.

Phụ nữ cho con bú

Không rõ thuốc có bài tiết qua sữa hay không dù rằng chưa thấy tác dụng không mong muốn ở trẻ sơ sinh khi bà mẹ cho con bú dùng fexofenadin, vì vậy cần thận trọng khi dùng fexofenadin cho phụ nữ đang cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, người đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác)

Dựa trên tính chất dược lực học của fexofenadin và báo cáo tác dụng không mong muốn, thuốc thường không gây tác dụng không mong muốn ảnh hưởng đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc. Ở các đối tượng thử nghiệm, fexofenadin không ảnh hưởng đáng kể đến chức năng của hệ thần kinh trung ương. Điều này có nghĩa là bệnh nhân có thể lái xe hoặc thực hiện các công việc đòi hỏi tập trung. Tuy nhiên, để xác định sự nhạy cảm của người có phản ứng bất thường với thuốc, nên kiểm tra đáp ứng của mỗi người trước khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

7. TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC

Fexofenadin không chuyển hóa qua gan, do đó không có tương tác với các thuốc khác chuyển hóa qua gan như erythromycin và ketoconazol làm tăng nồng độ fexofenadin trong huyết tương nhưng không làm thay đổi khoảng QT.

Nồng độ fexofenadin có thể bị tăng do erythromycin, ketoconazol, verapamil, các chất ức chế p-glycoprotein do tăng hấp thu ở ruột và giảm bài tiết ở mật hoặc đường tiêu hóa.

Không có tương tác giữa fexofenadin và omeprazol. Dùng đồng thời fexofenadin với các thuốc kháng acid chứa nhôm, magesi 15 phút trước khi dùng fexofenadin làm giảm sinh khả dụng của fexofenadin do gắn kết trong đường tiêu hóa. Nên dùng fexofenadin cách ít nhất 2 giờ so với thời điểm dùng các thuốc kháng acid chứa nhôm, magesi.

Fexofenadin có thể làm tăng nồng độ cồn, các chất an thần hệ thần kinh trung ương, các chất kháng cholinergic.

Fexofenadin có thể làm giảm nồng độ các chất ức chế acetylcholinesterase (ở thần kinh trung ương), betahistin.

Fexofenadin có thể bị giảm nồng độ bởi các chất ức chế acetylcholinesterase (ở thần kinh trung ương), amphetamin, các chất kháng acid, nước ép quả bưởi, rifampin.

8. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Trong các nghiên cứu lâm sàng có kiểm soát, tỉ lệ gặp tác dụng không mong muốn ở nhóm người bệnh dùng fexofenadin tương tự nhóm dùng giả dược. Các tác dụng không mong muốn của thuốc không bị ảnh hưởng bởi liều dùng, tuổi, giới tính và chủng tộc của bệnh nhân.

Các tác dụng không mong muốn phân theo tần suất và hệ cơ quan

Thường gặp, $1/100 \leq ADR < 1/10$

Thần kinh: Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mắt ngủ, chóng mặt.

Tiêu hóa: Buồn nôn, khó tiêu.

Khác: Dễ bị nhiễm virus (cảm, cúm), đau bụng trong kỳ kinh nguyệt, dễ bị nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.

Ít gặp, $1/1.000 \leq ADR < 1/100$

Thần kinh: Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng.

Tiêu hóa: Khô miệng, đau bụng.

Hiếm gặp, $1/10.000 \leq ADR < 1/1.000$

Da: Ban, mào đay, ngứa.

Phản ứng quá mẫn: Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.

Chưa rõ tần suất

Tim: Tim đập nhanh, đánh trống ngực.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

ADR của thuốc thường nhẹ, chỉ 2,2% người bệnh phải ngừng thuốc do ADR của thuốc.

Thuốc có thể gây ra các tác dụng không mong muốn khác, khuyến bệnh nhân thông báo các tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

9. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng

Triệu chứng quá liều bao gồm chóng mặt, buồn ngủ, mệt mỏi và khô miệng đã được báo cáo. Liều đơn đến 800 mg, và liều dùng 2 lần/ ngày lên đến 690 mg trong 1 tháng, hoặc 240 mg dùng 1 lần/ ngày trong 1 năm đã được dùng ở đối tượng khỏe mạnh mà không xảy ra tác dụng không mong muốn đáng kể nào trên lâm sàng. Liều dung nạp tối đa của fexofenadin hydroclorid chưa được thiết lập.

Xử trí

Biện pháp xử trí được cân nhắc là loại bỏ fexofenadin chưa hấp thu. Khuyến cáo điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ. Thẩm phân máu không có hiệu quả trong loại bỏ fexofenadin hydroclorid từ máu.

10. CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO: Không dùng quá liều chỉ định.

11. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ BIỂU TƯỢNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Sản xuất tại:



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ
(DAVIPHARM)**

Lô M7A, Đường D17, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Tel: 0274.3567.687 Fax: 0274.3567.688

12. NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC: 16/06/2020

Tên sản phẩm:	XONATRIX-120
Mã số toa:	0311.T2
Kiểm soát sửa đổi:	- Chuyển file in theo hồ sơ đăng ký đã được cấp SDK (CV 274/QLD-ĐK ngày 15/06/2020)
Nhân viên thiết kế:	